

Số: 17/2018/QĐST-HNGĐ

Bù Gia Mập, ngày 28 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 13 ấp 3, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

** Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc Q**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985, địa chỉ: tổ 13, ấp 3, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1982, địa chỉ: thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Ngọc Q thống nhất thỏa thuận giao người con chung Trần Ngọc Q T, sinh ngày 21/8/2011 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Ngọc Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung:

Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Ngọc Q không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: là 150.000 đồng. Tại phiên hòa giải Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018130 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trả lại chị B số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H BGM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thoại